CÔNG TY CP. CONTAINER VN

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2009 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2010

Hải phòng Ngày Tháng 3 Năm 2010

Phần thứ nhất

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD 2009

Đặc điểm tình hình :

- Năm 2009 tình hình kinh tế có nhiều biến động phức tạp : Lạm phát tăng , giá cả nhiều mặt hàng như : nhiên liệu , vật tư phụ tùng tăng đã làm cho các chi phí sản xuất tăng cao ; Những thay đổi bất thường về tài chính , tiền tệ có tác động lớn đến việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư mở rộng sản xuất .

- Do ảnh hưởng của nhập siêu 6 tháng đầu năm , có nhiều thời điểm hàng hoá tại cảng bị ùn tắc , nhất là container lạnh , có lúc thiếu bãi xếp chứa contianer .

- Thị trường vân tải biển không ổn định , sản lượng hàng vận chuyển giảm , giá cước vận tải thấp kéo dài suốt cả năm .

- Gía cước dịch vụ đại lý giảm .

- Khối lượng hàng hoá XNK giảm dần vào Quý IV .

- Năm 2009 , sản lượng vận tải của các hãng tầu MSC , TSL tăng , nhất là hàng nhập , Cảng Green port tiếp nhận thêm một số hãng tầu mới .

I . Kết quả sản xuất kinh doanh :

Mặc dù gặp nhiều khó khăn , song Hội đồng quản trị , ban Lãnh đạo Công ty đã bám sát tình hình , đề ra các quyết định phù hợp , kịp thời về : Đầu tư , đảm bảo đủ cơ sở hạ tầng , bổ sung trang thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất , tìm mọi biện pháp từng bước nâng cao hiệu quả quản trị các hoạt động , quản trị tài chính để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh .

Năm 2009 là năm Công ty đạt những thắng lợi lớn trên nhiều mặt .

1.1 Về sản lượng :

Hầu hết các sản phẩm dịch vụ chinh của Công ty thực hiện trong năm 2009 đạt mức tăng trưởng khá cao so với thực hiện năm 2008 , cụ thể như sau :

1. Bốc xếp cảng biển : Về container (Không có hàng rời) đạt 319.000 /215.000 Teus(năm 2008) vượt 48 % so với thực hiện năm 2008 .Số lượt tầu đến cảng 358 chuyến / 338/ chuyến , vượt 20 chuyến so với 2008 .
2. Bốc xếp cơ giới tại các CY : Đạt đạt 477.500 Teus - tương đương 4,5 triệu tấn , vượt 11,2% so với thực hiện năm 2008 .
3. Đóng rút hàng trong container : 31.130 teus / 27.068 Teus vượt 15 % so với thực hiện năm 2008 .
4. Vận tải ô tô (2009/2008) : Đạt : 2,984 / 2,6 triệu tấn vượt 14,7 % về tấn ; Về T.Km đạt 31,187 /31,4 /28,1 triệu T.Km .
5. Đại lý containerr : 83.156 teus tăng hơn hai lần so với thực hiện 2008 .
6. Sửa chữa container 2009/2008 : 3388 / 1250 Conts gấp 2,7 lần so với thực hiện năm 2008 , về doanh thu USD 205.000 / 78.000 tăng 2,6 lần .

1.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

2.1 Doanh thu :

Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện năm 2009 : 457,6 tỷ đồng, tăng 46,33 % so với thực hiện năm 2008 (312,7 tỷ đồng),và tăng 27% so với kế hoạch năm 2009

2.2 Lợi nhuận :

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2009 đạt : 174,2 tỷ đồng tăng 48% so với TH 2008 (117,7 tỷ đồng) ,và tăng 51% so với kế hoạch năm 2009

2.3 Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2009 : 12.990 đồng , tăng 9,06 % so với thực hiên năm 2008.

Để đạt được các chỉ tiêu hiệu quả cao như nêu trên là do Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ , có sự lãnh đạo chỉ đạo sát sao trên nhiều mặt :

- Bám sát tình hình thị trường , đẩy mạnh công tác marketing tăng sản lượng , tìm thêm nhiều hãng tầu mới .

- Tích cực đầu tư , nâng cấp cơ sở hạ tầng , thiết bị , lựa chọn quy mô phù hợp , kịp thời hoàn tất đúng tiến độ các hạng mục đầu tư để đưa ngay vào phục vụ sản xuất.

- Quản lý tốt các chi phí sản xuất , vật tư nhiên liệu , điện nước , chi phí hành chính .

- Lựa chọn sử dụng các nhà thầu phụ có năng lực phù hợp .

- áp dụng các phương pháp khai thác, quản lý tiên tiến ,tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng dịch vụ ; Đẩy mạnh phong trào thi đua , khuyến khích sáng kiến cải tiến kỹ thuật , quản lý .

- Hợp lý hoá các quy trình sản xuất.

- Rà soát, điều chỉnh các định mức kỹ thuật, vật tư, chi phí cho phù hợp , tiết kiệm .

II. Đầu tư xây dựng – Mua sắm thiết bi :

2.1 Các hạng mục đầu tư chủ yếu :

- Triển khai việc san lấp , xây dựng xưởng sửa chữa , bãi chứa container và các công trình phụ trợ khác tại khu đất gần 1,5 Ha tại Đình vũ HP .

- Nạo vét khu nước trước bến , sửa chữa nâng cấp cơ sở hạ tầng cho cảng Green Port .

- Mua tầu container có sức chở 338 teus .

- Xây dựng mới bãi container tại Hoà cầm- Đà Nẵng .

- Mua , lắp dựng cần trục chân đế KE số 2 , mua 5 xe Straddle carries cho Cảng GP .

- Mua thêm xe vận chuyển container cho GSL và Đà nẵng .

2.2 – Kinh phí đầu tư xây dựng và thiết bị năm 2009 (kể cả dở dang từ năm 2008):

TT	Tên hạng mục	Kinh phí (1.000 đ)	Thời gian hoàn thành
A)	**Đầu tư XDCB**	**28.669.000**	
I	**Tai Hải Phòng :**	**13.671.400**	
a)	**Bãi Viconship 1 :**	***615.800***	
1	Nạo vét khu nước trước cầu cảng Green Port.	202.000	T3 / 09
2	Gia công lắp dựng hàng rào bãi cảng GP-VCS	86.300	T3 / 09
3	Sửa chữa nhỏ : Bãi container, mở rộng đường vào cảng Geen Port, sửa chữa VP cổng 1, s/c kho số 3…	177.500	T3 , T8 / 09
4	Thi công bổ sung đệm va cho cầu sà lan	150.000	T8 / 09
b)	**Bãi mới Đình Vũ 1,5ha :**	***13.055.600***	
1	Đắp bờ đất + San lấp cát đen (dở dang 2008)	2.822.000	T 2 / 09
2	Xưởng sửa chữa container 720m^2 + cầu rửa xe	2.811.000	T11 / 09
3	Bãi container , bãi s/c container , bãi đỗ xe , đường vào bãi	5.353.900	T11 / 09
4	Rãnh thoát nước, tường rào, nhà văn phòng, nhà WC , các hạng mục xung quanh xưởng	940.800	T7 - T11 / 09
5	Trạm biến áp 400KVA và đường cáp 22KV dẫn vào trạm.	797.400	T10 / 09
6	Hệ thống cứu hoả + cấp nước sạch	236.800	T12 / 09
7	Cột điện chiếu sáng (05 cột)	93.700	T12 / 09
II	**Tai TP HCM :** (đang thi công dở dang)	**3.991.900**	
1	Chi phí thiết kế + thẩm tra HSTKế	294.300	T 12 / 08
2	Đang thi công nhà 6 tầng (ký HĐ : 11,136 tỷ ; đã thanh toán : 3,5 tỷ đồng)	3.500.000	T8 / 2010
3	Phí giám sát TC	197.600	
III	**Tai Đà Nẵng :**	**2.905.700**	
1	Thi công bãi container 13.800m^2 (dở dang từ năm 2008)	2.076.700	T2 / 09
2	Thi công các hạng mục khác : Tường rào biển hiệu, nhà bảo vệ, nhà WC,	650.300	T7 / 09
3	Hệ thống cột điện chiếu sáng + nước sạch	178.700	T11 / 09

IV	**<u>Tại Hưng Yên</u> :** (đang thi công dở dang)	**<u>8.100.000</u>**	
1	Đầu tư góp vốn xây dựng kho trung chuyển hàng hoá : Giai đoạn I xây dựng kho 2.700m2 ; bãi 6.000m2 và các CT phụ trợ.	8.100.000	Quý II/10 đưa vào khai thác các CT giai đoạn I
B)	**Về đầu tư thiết bị :**	**115.398.200**	
1	Mua 05 đầu kéo + moóc chuyên dùng 40f (cho GSL)	3.110.000	
2	Mua 05 xe khung mang container đã qua sử dụng cho cảng Geen Port.	13.933.200	
3	Lắp đặt cần trục số 4 (KE) cho cảng Geen Port.	38.751.000	Dở dang từ năm 2008
4	Mua 05 đầu kéo + 06 moóc cho VCS DN	3.300.000	
5	Mua tầu container số 1 (338Teu),Green Star 01	56.304.000	
C)	**Tổng cộng đầu tư năm 2009 (kể cả dở dang từ năm 2008)**	**<u>144.067.200</u>**	

2.3 Công tác quản lý đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị :

- Tuỳ theo quy mô của dự án , trước khi triển khai đều được thông qua HĐQT , Đại hội đồng cổ đông toàn Công ty.

- Quá trình triển khai dự án đầu tư được thực hiện đúng theo quy định hiện hành, quản lý giám sát chặt chẽ, tiết kiệm được kinh phí đầu tư. Các dự án đầu tư đều được triển khai nhanh, kịp thời, đảm bảo chất lượng, thanh quyết toán dứt điểm, công trình được đưa ngay vào khai thác sử dụng .

<u>III. Công tác tổ chức, quản lý và các công tác khác:</u>

3.1 Về tổ chức :

- Hoàn thiện mô hình tổ chức , sửa đổi , bổ sung chức năng trong đăng ký kinh doanh của các đơn vị thành viên và Công ty .

- Điều chuyển Phòng Khai thác vận tải về Green Star Lines , xắp xếp ổn định tổ chức .

- Phân cấp quyền lựa chọn , bổ sung lao động cho các đơn vị theo kế hoạch tuyển dụng đã đăng ký .

3.2 Về quản lý :

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh , đầu tư phát triển trong năm , hàng tháng phù hợp .

- Công tác quản lý được quan tâm từ các khâu tổ chức, quản trị các hoạt động , quản trị tài chính theo đúng các quy trình ISO-9001:2000 . Là Doanh nghiệp có nhiều Công ty thành viên nằm trên cả 3 khu vực Bắc ,Trung, Nam với nhiều hoạt động đa dạng , Hội đồng quản trị đã phân công , phân nhiệm cho từng thành viên phụ trách mỗi khu vực , đơn vị để quản lý trên cơ sở Điều lệ của các Công ty thành viên và các quy định hiện hành của Công ty .

- Phân cấp , xác lập mối quan hệ giữa Công ty mẹ và các Công ty thành viên thông qua các quy chế quản lý về lao động, tiền lương và tài chính .

- Công tác quản lý, chỉ đạo , phối hợp giữa các đơn vị được thực hiện nhanh chóng bằng hệ thống công nghệ thông tin qua mạng nội bộ .

- Các quy trình sản xuất tuân thủ theo hệ thống chất lượng của tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001-2000 , được tiến hành xem xét đánh giá cải tiến liên tục .

- Khuyến khích người lao động , quản lý phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật , tiết kiệm (trong năm có 62 sáng kiến cải tiến , đã làm lợi hàng tỷ đồng ; Công ty đã kịp thời tổng kết đánh giá và xét khen thưởng .

3.3 Thực hiện chế độ trả lương :

- Các định mức lao động, đơn giá tiền lương được rà soát điều chỉnh 6 tháng một lần cho phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh .

- Người lao động được đảm bảo có việc làm và thu nhập năm sau cao hơn năm trước , bình quân thu nhập năm 2009 đạt : 5,53 Triệu đồng / Người - tháng , tăng 12,1% so với năm 2008 .

- Có quy chế trả lương , thưởng minh bạch , hợp lý và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn .

IV. Phân phối lợi nhuận :

Trả cổ tức bằng tiền: 30% vốn điều lệ , phát hành cổ phiếu thưởng: 25 % vốn điều lệ.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2009 là năm đánh dấu bước phát triển cao của Công ty Cổ phần container Việt nam với những kết quả đã đạt được rất đáng khích lệ , thắng lợi trên nhiều mặt :

- Sử dụng vốn tự tích luỹ , chủ động tiếp cận các nguồn vốn vay thương mại để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng , mua sắm thiết bị , không ngừng mở rộng và phát triển KD .

- Công ty phát triển với tốc độ cao về quy mô, chất lượng và hiệu quả kinh doanh : doanh thu tăng 46,3% , lợi nhuận trước thuế tăng 48,% so với thực hiện năm 2008 .

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2009 đạt 12.990 đồng / CP .

- Công ty giành được thắng lợi toàn diện trên nhiều mặt , Thương hiệu của Công ty ngày càng được nhiều khách hàng , các tổ chức trong nước và quốc tế biết đến .

- Người lao động được đảm bảo việc làm và có thu nhập cao : đạt 5,53 triệu đ/người-tháng.

- Thực hiện tốt các chính sách xã hội .

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2010

I. Đặc điểm tình hình , các căn cứ để xác lập mục tiêu , kế hoạch phát triển :

- Mức tăng trưởng GDP , các giải pháp kiềm chế lạm phát , giảm phát kinh tế của Chính phủ .

- Tình hình thị trường ,giá dịch vụ tại mỗi khu vực , các chi phí sản xuất dự tính .

- Cơ sở hạ tầng , năng lực thiết bị , lao động hiện có tại đơn vị .

- Các hợp đồng kinh tế đã và sẽ ký với các đối tác và khách hàng.

II.Mục tiêu :

- Bám sát thị trường , đảm bảo duy trì các hoạt động SX chính ổn định .

- Lựa chọn hạng mục đầu tư , quy mô đầu tư để tiếp tục mở rộng và phát triển sản xuất ;

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực , đảm bảo năng suất , chất lượng dịch vụ và giá trị thương hiệu .

- Đảm bảo việc làm , thu nhập cho người lao động .

- Quản lý tốt chi phí , triệt để tiết kiệm , đảm bảo hiệu quả kinh doanh , tỷ lệ cổ tức đạt từ 20-30% và có tích luỹ cần thiết cho đầu tư mở rộng sản xuất .

III. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2010

1. Tài chính :

- Tổng doanh thu : 480 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 125 tỷ đồng
- Đầu tư bổ sung : 135,89 tỷ đồng

2. Sản lượng :

- Bốc xếp Cảng biển: 335.000 teus
- Vận tải biển : 22.500 teus
- Đại lý container: 45.000 Teus
- Vận chuyển ô tô: 3,2 triệu Tấn , 34,2 triệu T-Km .
- Bốc xếp cơ giới tại các CY: 485.000 Teus ,
- Đóng rút hàng tại CY+ CFS: 34.500 Teus
- Sửa chữa container : 3750 teus

3. Đầu tư xây dựng cơ bản , mua sắm thiết bị :

3.1 Các hạng mục đầu tư :

A – <u>Tại Hải Phòng</u> :

1/ - Hoàn thành thủ tục đầu tư , san lấp mặt bằng 10 ha bãi chứa container tại Đình Vũ - HP.

2/ - Tìm và mua tầu container có sức chở 500 - 700 teu .

3/ - Nâng cấp từng phần bãi cảng Green Port .

4/ - Mua thêm 01 xe nâng reach stacker xếp dỡ vỏ rỗng cho bãi container tại HP.

5/ - Mua thêm 5-10 xe vận chuyển cho Green Star Lines và Đà nẵng .

B – <u>Tại Đà nẵng</u> :

1/ - Hoàn thiện thi công bãi container tại Hoà Cầm .

2/ - Nghiên cứu mở rộng tiếp kho CFS .

3/ - Đầu tư thêm xe vận chuyển .

C – <u>Tai TP HCM</u> :

Thi công hoàn thành việc xây lắp trụ sở làm việc 6 tầng tại quận 7 - TP HCM.

<u>3.2 Dự kiến kinh phí đầu tư năm 2010</u> :

TT	Tên hạng mục	Kinh phí (1.000 đ)	Ghi chú
I	**Về XDCB :**	**<u>41.890.000</u>**	
A)	**<u>Tai Hải Phòng</u> :**	***<u>34.254.000</u>***	
1	Duy tu sửa chữa các công trình trên đất	350.000	
2	Nạo vét định kỳ cảng Geen Port	250.000	
3	Nâng cấp bãi sau cảng Geen Port : 30.000 m2 ; Dự kiến chiều dày tôn nền trung bình là 30cm: gồm 20cm đá cấp phối và 10cm bê tông át-fan	11.754.000	391.800,0 đ/m2
4	Thủ tục xin thuê 10ha đất gồm : Khảo sát địa hình, địa chất, lập chứng chỉ quy hoạch,đền bù , san lấp.	21.900.000	
B)	**<u>Tai TP HCM</u> :** (đang thi công dở dang)	***<u>7.636.000</u>***	
1	Hoàn thành trụ sở VP làm việc 6 tầng vào T8	7.636.000	
II	**Thiết bị :**	**<u>115.000.000</u>**	
1	Mua tầu chở container số 2 : 500-700TEU	106.000.000	5,5 triệu USD
2	Mua thêm 5- 10 xe vận chuyển container	9.000.000	
III	**Tổng cộng dự kiến đầu tư năm 2010**	**156.890.000**	

3.3. Phương thức huy động vốn :

- Vốn tự tích luỹ .
- Vốn vay thương mại .

4. Kế hoạch và các giải pháp thực hiện :

- Hoàn thành thủ tục đấu tư và san lấp mặt bằng10Ha bãi chứa container tại Đình vũ HP .
- Hoàn thành việc thi công nhà văn phòng tại TP-HCM đảm bảo tiến độ hoàn thành vào Quý III / 2010 .
- Tiếp tục giao dịch tìm mua thêm 01 tầu CONTAINER có sức chở 500-700 teu .
- Nâng cấp sửa chữa bãi Cảng Green Port .
- Ap dụng hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến trong toàn Công ty để trao đổi thông tin và quản lý tốt hơn các hoạt động tại các đơn vị .

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn ,tay nghề cao , rèn luyện ý thức tự giác chấp hành kỷ luật lao động , giữ gìn phương tiện , tài sản được giao ; Lao động có sáng tạo , đạt năng suất chất lượng cao ; Luôn đề cao ý thức giữ gìn an toàn ,triệt để tiết kiệm , chống lãng phí ... nhằm đạt hiệu quả SXKD cao nhất .

Trên đây là báo cáo toàn bộ kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2009 và kế hoạch Kinh doanh 2010 . Trân trọng kính đề nghị các cổ đông tham dự hội nghị thảo luận , đóng góp ý kiến bổ sung ,để Công ty tiếp tục mở rộng phát triển , đạt hiệu quả SXKD cao trong năm 2010 và những năm tiếp theo .

Hội đồng quản trị

Công ty cổ phần container Việt Nam